

DI CƯ VÀ ĐI LÀM ĂN XA CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG CƯ DÂN VEN BIỂN Ở TỈNH CÀ MAU DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ XÂM NHẬP MẶN¹

TS. Trần Văn Hà
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Cà Mau là một trong 6 tỉnh của vùng Bán đảo Cà Mau, thuộc Đồng bằng sông Cửu Long. Hơn một thập niên qua, nơi này thường xuyên chịu tác động bởi hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển. Để đảm bảo sinh kế và ổn định cuộc sống, ngoài chuyển đổi sản xuất, kinh doanh, một bộ phận cư dân các dân tộc sống ở ven biển Tây và biển Đông của tỉnh đã tham gia lao động di cư, đi làm ăn xa như là một trong cách thức ứng phó với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn. Trên cơ sở phát hiện tính chất, đặc điểm và nguyên nhân di cư, đi làm ăn xa của những cộng đồng ven biển được khảo sát, bài viết nêu một số nhận xét và vấn đề thảo luận liên quan đến chính sách phát triển bền vững dựa vào “thuận thiên là chính” tại vùng “miệt biển” ở Bán đảo Cà Mau, theo tinh thần Nghị quyết 120 (11/2017) của Chính phủ về Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Di cư, đi làm ăn xa, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, Bán đảo Cà Mau.

Ngày nhận bài: 3/10/2019; ngày gửi phản biện: 7/10/2019; ngày duyệt đăng: 4/12/2019

Mở đầu

Vấn đề đi làm ăn xa, di cư của các cộng đồng dân cư, đặc biệt là các cộng đồng ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã được nghiên cứu từ một thập niên trở lại đây với một số công trình như: UN, 2014; Tổ chức di cư quốc tế - IOM, 2015; Lê Anh Tuấn, 2014; Mai Viết Văn và cộng sự, 2016; Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, 2010; Tổng Cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc, 2004;...). Các kết quả nghiên cứu ngoài chỉ ra áp lực về thay đổi môi trường lên phát triển kinh tế - xã hội, đời sống dân cư, sinh kế, không gian sinh tồn, ứng phó của các địa phương, cộng đồng, cũng đã đề cập tình trạng di cư ở ĐBSCL như là một cách thức ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng. Song, do tính đa dạng vùng, môi trường cảnh quan, hệ sinh thái và các quan hệ xã hội, văn hóa tộc người ở ĐBSCL, nên nội dung, tính chất và đặc điểm về di cư, đi làm ăn xa của cộng đồng tộc người ở những tiểu vùng khác nhau lại chưa được đề cập một cách thỏa đáng, nhất là từ góc độ dân tộc học/nhân học (ngoài nghiên cứu về người Chăm ở Ninh Thuận của Đoàn Việt, 2009). Do

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.04-2017.02.

đó, việc đi sâu tìm hiểu những đặc điểm cụ thể ở cộng đồng địa phương để nhận diện vấn đề di cư, đi làm ăn xa đối với từng miệt trong “bốn miệt đồng bằng”² vùng ĐBSCL có tính thời sự sâu sắc, góp phần xây dựng chính sách phát triển bền vững ở khu vực này. Bên cạnh kế thừa có phân tích nguồn dữ liệu thứ cấp như quản lý nhà nước trong chính sách, những quan điểm của người ngoài cuộc về di cư ở ĐBSCL, tác giả bài viết chủ yếu sử dụng nguồn tài liệu điền dã khảo sát xã hội học và phỏng vấn người dân (người trong cuộc) tại hai cộng đồng ven biển ở huyện Đầm Dơi và Thới Bình (Cà Mau) để tìm hiểu đặc điểm, tính chất và xu hướng di cư, đi làm ăn xa của lao động và hộ gia đình. Một số phát hiện từ nghiên cứu, hy vọng góp phần gợi mở ý kiến liên quan đến điều chỉnh, bổ sung chính sách dân tộc đối với vùng ĐBSCL trong bối cảnh tác động của BĐKH, nước biển dâng để thực hiện hiệu quả Nghị quyết 120 của Chính phủ.

1. Di cư, đi làm ăn xa là cách thức ứng phó của các cộng đồng cư dân ở Cà Mau dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước mặn xâm nhập

1.1. Vài nét về điều kiện tự nhiên và dân cư, dân tộc tỉnh Cà Mau

Là một tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của ĐBSCL, Cà Mau nằm trong hành lang kinh tế ven biển Đông của vùng biển Tây Nam Bộ (Bạc Liêu - Gành Hào - Cà Mau - Năm Căn). Với diện tích tự nhiên là 529.487 ha, tỉnh Cà Mau có chiều dài bờ biển 254km, gồm hai mặt giáp biển Đông và biển Tây. Do đó, đặc điểm khí hậu, thời tiết, thủy văn của tỉnh Cà Mau có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Do tác động trực tiếp của chế độ thủy triều biển Đông (bán nhật triều không đều) và của biển Tây (nhật triều không đều), lại có nhiều cửa sông lớn thông ra biển như Cái Đồi Vàm, Khánh Hội, Sông Đốc..., nên thời tiết ngày càng trở nên khắc nghiệt, khiến toàn bộ diện tích đất liền của tỉnh Cà Mau đều bị nhiễm mặn và chế độ truyền triều rất phức tạp. Từ khi chuyển đổi sản xuất sang nuôi tôm (2011), nhiều cống đập được mở thông, khiến quá trình truyền triều càng vào sâu trong đất liền. Nước biển dâng cao, gây tình trạng tràn mặn là những khó khăn cho giải pháp thủy lợi phục vụ sản xuất, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cà Mau, 2018).

Dân số tỉnh Cà Mau tính đến ngày 31/12/2010 là 1.212.089 người, cư trú ở 9 huyện và thành phố (Bảng 1). Ngoài ra, tỉnh này còn có các đảo: cụm đảo Hòn Khoai (gồm 5 đảo thuộc xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển), cụm đảo Hòn Chuối (gồm 2 đảo thuộc thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời), cụm đảo Hòn Đá Bạc (gồm 2 đảo thuộc xã Khánh Bình Tây,

² Theo quan niệm của cư dân đất phương Nam, vùng Nam Bộ được chia thành 4 miệt, gồm *miệt đồng*, *miệt vườn*, *miệt bung*, *miệt biển*. Giá trị văn hóa cốt lõi của bốn miệt (hay tứ miệt) là cách ứng xử của cư dân từng miệt trong sự hài hòa về Đất - Nước - Con người dựa trên lợi thế của các vùng cảnh quan. Tại Hội nghị phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH tại Cần Thơ năm 2017, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cũng đã nhấn mạnh việc triển khai Nghị quyết 120 của Chính phủ, ĐBSCL phải “*phát triển thuận thiên là chính*” với ý nghĩa như vậy.

huyện Trần Văn Thời) và đảo Hòn Buông (huyện Phú Tân) (Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau, 2016).

Bảng 1: Dân số, diện tích tự nhiên, mật độ dân cư tỉnh Cà Mau

Tên thành phố, huyện	Dân số (người)	Diện tích tự nhiên (km ²)	Mật độ (người/km ²)
TP. Cà Mau	218.443	249,29	876
Thới Bình	135.034	636,39	212
U Minh	102.215	774,14	132
Trần Văn Thời	187.132	702,72	266
Cái Nước	137.846	417,00	331
Phú Tân	104.408	461,88	226
Đầm Dơi	182.332	822,88	222
Năm Căn	66.261	95,40	134
Ngọc Hiển	78.418	735,18	107
Tổng số	1.212.089	5.294,87	

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Cà Mau, năm 2010

Tỉnh Cà Mau có 3 dân tộc gồm Kinh (96,75%), Khơ-me (2,47%) và Hoa (0,74%). Các cộng đồng dân tộc Kinh và Khơ-me sinh sống ở cả các vùng thuộc hệ sinh thái nước ngọt, nước mặn và nước lợ, còn người Hoa lại cư trú nhiều ở thành phố Cà Mau và phân tán tại các trung tâm huyện, thị, thôn/ấp. Trong hoạt động sinh kế, nếu như phần lớn người Hoa dựa vào kinh doanh, buôn bán là chính thì các cộng đồng người Kinh và Khơ-me ở vùng ven biển lại dựa vào trồng lúa, nuôi tôm, cua, hào và đánh bắt tự nhiên trên sông, biển, ở cả hai hệ sinh thái nước ngọt và nước mặn, nước lợ. Sự phân bố dân cư và dân tộc hiện nay ở Cà Mau cho thấy, các hình thức phát triển sinh kế trong bối cảnh BĐKH dẫn đến tình trạng di cư, đi làm ăn xa tự phát khá phức tạp.

1.2. Thực trạng di cư và đi làm ăn xa ở tỉnh Cà Mau

Số liệu thống kê cấp tỉnh ở bảng 2 được tổng hợp riêng đối với dân tộc Khơ-me của tỉnh Cà Mau tính đến tháng 7/2018 cho thấy, số lao động của hộ di cư và đi làm ăn xa đông nhất là ở 3 huyện U Minh, Đầm Dơi và Thới Bình đến các khu đô thị, khu công nghiệp thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố (TP.) Hồ Chí Minh.

Bảng 2: Số hộ, khẩu của tỉnh Cà Mau đi làm ăn xa và di cư năm 2018

Huyện	Hộ	Lao động	Độ tuổi
Trần Văn Thời	265	630	Từ 16 - 50
U Minh	41	1.015	Từ 16 - 56
Đầm Dơi	52	799	Từ 15 - 55
Thới Bình	207	712	Từ 18 - 55
Năm Căn	28	86	Từ 18 - 55
Ngọc Hiển	47	161	Từ 17 - 56
Phú Tân	50	134	Từ 16 - 52
Cái Nước	29	97	Từ 18 - 60
TP. Cà Mau	15	22	Từ 18 - 53
Tổng số	1.134	3.656	

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau, năm 2018

Mẫu khảo sát về lao động di cư, đi làm ăn xa tại huyện Thới Bình và Đầm Dơi trong số 9 huyện, thành phố của Cà Mau được lựa chọn cho thấy, số lượng người di cư, đi làm ăn xa đều là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo; trong đó: tỷ lệ đã tốt nghiệp bậc phổ thông trung học là 9,82%, còn lại đều chưa qua bậc tiểu học hoặc không biết đọc, biết viết mặc dù họ đang ở độ tuổi thấp nhất là 15, cao nhất là 55 tuổi. Tại các xã, những lao động 20 tuổi trở lên, tuy có ít nhất một lần tham gia những đợt tập huấn ngắn hạn thông qua các dự án khuyến nông của huyện như Chương trình 135, các dự án, chương trình phát triển đa dạng sinh kế ứng phó với BĐKH của những tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế, nhưng kỹ năng và kiến thức đọng lại không được là bao. Điều này không giúp được gì nhiều cho hành trang của họ trong bước đường di cư, đi làm ăn xa, tìm kiếm việc làm.

Khảo sát tại huyện Thới Bình, những hộ nghèo người dân tộc Khơ-me chiếm 4,2% số người trong mẫu được hỏi cho thấy, thu nhập chính từ làm thuê chiếm 31,2%, nông nghiệp là 52,1%, còn lại từ các nguồn khác. Trong đó, đa số đều thuộc diện cặp vợ chồng trẻ độ tuổi từ 20 đến dưới 30, mới lập gia đình được bố mẹ chồng cho ra ở riêng, thiếu đất sản xuất, ít tài sản có giá trị. Về giới tính của các lao động thuộc hộ nghèo đi làm thuê, nam nhiều hơn (chiếm 53%) so với nữ giới (47%). Theo đó, tỷ lệ lao động nữ ở dân tộc Khơ-me chiếm 21,4%, Kinh 10,9% và Hoa chỉ có 2,0%. Tuy nhiên, thời gian từ cuối năm 2017 đến nay, lao

động nữ đi làm ăn xa tăng hơn do các khu công nghiệp cần nhiều lao động nữ trong chế biến thủy, hải sản, may mặc.

Theo khảo sát, lao động của tỉnh Cà Mau có xu hướng chọn những nơi có tiềm năng phát triển cao và có thể cải thiện được thu nhập hiện tại của họ. Tại hai huyện Thới Bình và Đầm Dơi, trong số những nơi mà lao động đi làm ăn xa là chính, số di cư ít hơn. Tỷ lệ này đang làm việc và sinh sống tại TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai (chiếm 83%); trong đó, nơi lao động chọn đến làm việc nhiều nhất là TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, chiếm 72% (Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau, 2018). Về nguyên nhân, đa số ý kiến khi thảo luận nhóm ở các cộng đồng Bản Cũ, xã Quách Phẩm Bắc và ấp Cái Kẹo, xã Quách Phẩm (Đầm Dơi) hoặc ấp Bảy, xã Tân Lộc (Thới Bình) cho rằng, ở những nơi được chọn để kiếm việc làm, thu nhập cao hơn nơi khác. Hơn nữa, nơi đây còn tập trung đông người cùng ấp, cùng xã, cùng dân tộc đã làm việc từ trước. Đến đó, người di cư được giúp đỡ giới thiệu công việc và cùng sinh hoạt, sinh sống theo tập quán ở quê cũ.

Những người lao động đi làm ăn xa, di cư đến với nhiều việc làm khác nhau, thích hợp cho từng độ tuổi, giới tính cũng như trình độ hiểu biết, kỹ năng thao tác công việc. Tùy theo từng đối tượng mà người tuyển dụng lao động ở các công ty, nhà hàng, cơ sở hay trung tâm môi giới lao động có thể mang đến cho người tìm kiếm việc làm một cơ hội công việc ở những môi trường khác nhau với mức thu nhập trung bình, có hoặc không bảo hiểm lao động. Nhóm được tuyển dụng vào làm việc tại các công ty của khu công nghiệp chế biến thực phẩm, thủy hải sản mức lương sẽ đảm bảo hơn, có hợp đồng lao động, phí bảo hiểm theo Luật. Người lao động được tuyển làm việc thường là thanh niên, sức khỏe tốt và được khuyến khích gắn bó lâu dài với công ty, sau khi công ty đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn. Từ 2 đến 3 năm tiếp theo, họ trở thành những người di cư, lập gia đình rồi cuộc sống gắn bó lâu dài nơi đây tại các xóm trọ của công nhân hay xóm lao động; thuộc diện hộ khẩu tạm trú KT3 hoặc KT4.

Trong số những người được hỏi sẽ đi làm ăn xa, đa số những người từ 17 đến dưới 35 tuổi, không thích làm việc ở các khu công nghiệp mà thường chọn vào làm ở nhà hàng ăn uống, quán bar hay các cửa tiệm. Theo họ, thu nhập cũng khá nhưng cường độ lao động không kém làm việc ở các khu công nghiệp. Một loại nhóm lao động khác, phần lớn là người Khơ-me ở tuổi trung niên, trình độ học vấn thấp lại phù hợp hơn với các công việc đơn giản như giúp việc nhà, phụ bán quán cơm, quán nước, bán tạp hóa, lao công..., hay làm thuê theo ca, theo giờ như lau nhà, chăm sóc người đau ốm trong bệnh viện hoặc làm bảo vệ. Những người này mất khoản chi phí giao dịch không cao nếu không qua các sàn giao dịch việc làm, công ty hoặc trung tâm giới thiệu việc làm. Còn những người bán hàng rong, mua ve chai, bán xổ số... thường không mất tiền môi giới việc làm do tự tìm hiểu hoặc được người quen dẫn dắt, nhưng thu nhập thấp và đời sống thường gặp rủi ro cao liên quan đến bảo vệ bản thân, tai nạn giao thông, cướp giật,... Tình trạng “nhảy việc” ở người di cư, đi làm ăn xa ở

Thới Bình hay Đầm Dơi chỉ rơi vào đối tượng là thanh niên, rất ít xảy ra với đối tượng ngoài 35 tuổi. Những người lao động này sau một thời gian làm việc, do nhận thấy môi trường làm việc và mức lương không phù hợp, họ chuyển đến nơi có thu nhập cao hơn hay môi trường, quan hệ đồng nghiệp thoải mái hơn. Trong khi đó, đa số lao động đều ổn định tại một nơi là các công ty, doanh nghiệp sản xuất, buôn bán trừ trường hợp chủ thuê lao động dùng hoặc công ty giảm lao động thì những người này mới đi tìm việc nơi khác. Một bộ phận không ít lao động đi làm thuê ở Thới Bình và Đầm Dơi theo dạng di chuyển thời gian và không có ý định cư trú lâu, nên thu nhập thường bấp bênh. Số lao động này thường làm việc trực tiếp với chủ thuê lao động để nhận khoán công việc, không ký hợp đồng lao động.

2. Phân tích các biến liên quan đến quyết định di cư, đi làm ăn xa của người lao động

Khi xác định những tác tố của di cư, đi làm ăn xa, các nhà nghiên cứu thường sử dụng mô hình logistic $M_{ij} = f(K, R, I, L, H,)$ ³ (Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, 2010). Kết quả phân tích khảo sát 282 hộ (bảng 3) cho thấy, mô hình logistic M_{ij} với 5 biến gồm: số người trong độ tuổi lao động, điều kiện tự nhiên, thu nhập của hộ, diện tích đất sản xuất, thiếu việc làm ở cộng đồng, có ý nghĩa về thống kê và thực tế.

Bảng 3: Dân tộc và nhóm tuổi phân theo lao động toàn mẫu

Dân tộc		Tần số	Tỷ lệ%	Tỷ lệ hợp lệ	Tỷ lệ tích lũy
Kinh		119	42.2	42.2	42.2
Khơ-me		113	40.1	40.1	82.3
Hoa		50	17.7	17.7	100.0
Tổng		282	100.0	100.0	
Tuổi	15 đến 64	237	84.0	84.0	84.0
	65 trở lên	45	16.0	16.0	100.0
	Tổng	282	100.0	100.0	

Nguồn: Số liệu điều tra mẫu thực địa, năm 2019

Kết quả xử lý dữ liệu không cho giá trị giữa số người trong độ tuổi lao động có quan hệ tỷ lệ thuận với xác suất di cư. Cụ thể, khi số người trong độ tuổi lao động của hộ trong mẫu (Sample) tăng một người, xác suất di cư, đi làm ăn xa tăng 1,4 lần. Bên cạnh đó, hệ số chênh giữa hai nhóm đối tượng này là 4,80. Điều này chỉ ra khác biệt rất rõ về chỉ số địa bàn cư trú và đặc tính tộc người. Dữ liệu xử lý đầu ra đã chỉ rõ mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa biến

³ M_{ij} là hàm xác suất quyết định di cư của hộ, mang giá trị 1 và 0; H: là số người trong độ tuổi lao động của hộ; L: là diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ; I là tổng thu nhập bình quân một năm của hộ (triệu đồng); R: là biến giả định cho biết có ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp; K: là biến giả định về thực trạng thiếu việc làm ở địa phương.

thu nhập và xác suất di cư, đi làm ăn xa của hộ Khơ-me cũng như hộ Kinh. Tức là, thu nhập của hộ có ảnh hưởng ngược chiều đối với quyết định di cư, đi làm ăn xa của lao động trong hộ ở các dân tộc và áp cư trú. Kết quả này cũng có nét tương đồng so với kết quả nghiên cứu tại Hậu Giang của Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2010).

Một thực tế nữa, ở Cà Mau bên cạnh dữ liệu phân tích con số thống kê là biến thu nhập của hộ rất quan trọng đối với quyết định di cư và đi làm ăn xa của lao động, thì dữ liệu phỏng vấn sâu đối với thu nhập của hộ cũng cho thấy có quan hệ tương thích. Khi nguồn thu nhập của hộ ở mức cao, đảm bảo chi tiêu và dành được một tỷ lệ tích lũy nhất định, tương đương với công việc để duy trì cho nguồn thu nhập ấy, người lao động thường có xu hướng không rời thôn ấp. Giải thích được hộ phỏng vấn đưa ra là, nếu điều kiện kinh tế đảm bảo thì họ không di cư, đi làm ăn xa mà ở nhà làm ăn để được gần gũi anh em, bố mẹ và có điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con trẻ. Song, đối với những thanh niên nam hay nữ chưa lập gia đình, lại muốn rời thôn ấp nơi tứ miệt, đến nơi thị thành tìm việc như là một cách “thoát nông”. Các bạn trẻ này cũng mang theo hy vọng, muốn được gia nhập với cuộc sống nhộn nhịp, dịch vụ giải trí chôn đô thị ở Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh.

Yếu tố sở hữu diện tích đất trong hàm số đánh giá về xác suất di cư, đi làm ăn xa của lao động ở Cà Mau qua cứ liệu điều tra có tác động ngược chiều. Việc coi mức diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ tăng trên $1.000m^2$ sẽ dẫn đến xác suất di cư, đi làm ăn xa không tăng tương ứng, mà chỉ ở mức 0,1 lần. Nguyên nhân tình trạng này là, một khi gia đình có ruộng đất, nuôi tôm, trồng màu với chiến lược đầu tư mạch lạc để phát triển kinh tế hộ hoặc mở rộng trang trại dựa trên hạch toán đầu ra, đầu vào cụ thể, thì hộ rất cần lao động, thậm chí phải thuê lao động làm việc. Do đó, không dẫn tới lao động trong hộ đi làm ăn xa. Có chăng, dữ liệu ghi nhận về các trường hợp hộ có người đi Cần Thơ hoặc TP. Hồ Chí Minh là con, cháu đi học đại học hay học nghề.

Thiếu việc làm ở địa phương là biến số có tác động cùng chiều với xác suất di cư, đi làm ăn xa. Dữ liệu xử lý của hàm xác suất di cư, đi làm ăn xa phản ánh tình hình hiện tại ở các huyện của tỉnh Cà Mau là còn rất ít khu công nghiệp, tiểu công nghiệp. Khi ở thôn quê thiếu việc làm, trong bối cảnh kinh tế thị trường lao động trở thành hàng hóa và được trao đổi dưới hình thức thuê lao động, nguồn lao động ngày nay tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình qua di cư, điều mà thời kinh tế bao cấp không diễn ra. Hiện tại, trên địa bàn các huyện Đầm Dơi, Thới Bình, tình trạng chủ yếu là lao động đi làm ăn xa theo mùa vụ và vẫn gắn bó nhiều hơn với quê nhà (dưới 12 tháng, trừ các cháu đi học tại các trường học nghề hoặc đại học từ 2 - 4 năm).

Trong khi đó, biến số của điều kiện tự nhiên lại có tác động nghịch chiều với xác suất di cư. Cụ thể, với những hộ điều kiện tự nhiên thuận lợi như đất sản xuất nông nghiệp và nuôi tôm có bình quân 2 - 3 công/lao động (mỗi công $1000m^2$) sẽ có xác suất di cư giảm 2,94 lần so với hộ ở khu vực không có điều kiện tự nhiên thuận lợi. Thực tế này rất dễ nhận

thấy ở các hộ chịu tác động trực tiếp của điều kiện tự nhiên ở địa phương trong trồng lúa, nuôi tôm, cua, trồng khóm (dứa) hoặc cây màu ở Đầm Dơi, Thới Bình; đặc biệt là của những nông hộ Khơ-me, Kinh ven biển và một số ít hộ người Hoa. Khi điều kiện tự nhiên giúp cho nuôi tôm, làm nghề nông thuận lợi thì lao động của hộ không nhất thiết phải đi xa tìm kiếm việc làm. Ngược lại, khi hạn mặn, thời tiết cực đoan và các yếu tố thị trường biến đổi, lao động phải di cư, đi làm ăn xa. Hộ nào không có bố mẹ già trông nom giúp con trẻ thì vợ chồng phải mang theo đến nơi di cư, đi làm ăn xa.

Một phát hiện nữa, khi yêu cầu đánh giá chung về tác động của di cư, đi làm ăn xa ở ấp mình, có những ý kiến khác nhau giữa các hộ có lao động di cư, đi làm ăn xa. Gần một nửa số hộ có lao động di cư, đi làm ăn xa trả lời rằng, thực trạng đó có tác động lớn đến cuộc sống của họ, nhưng tác động tích cực mang tính bao trùm hơn. Bởi vì di cư, đi làm ăn xa vừa giải quyết việc làm cho người lao động ở ấp, lại vừa có thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho hộ. Trong khi, hộ không có lao động di cư, đi làm ăn xa cho rằng, bên cạnh việc làm, thu nhập là những hệ lụy như xa quê, bỏ lại nhà cửa, người già, con trẻ ở quê thiếu sự chăm sóc, nuôi dạy. Tỷ lệ ý kiến đánh giá mang tính tiêu cực về di cư, đi làm ăn xa của lao động và gia đình khi rời thôn, ấp không nhiều (8,5%). Các ý kiến nhấn mạnh rằng, tuy kiếm thêm được tiền bạc, giảm bớt gánh nặng nghèo đói, thiếu thốn trong sinh hoạt, nhưng tệ nạn và bệnh tật mang đến cho họ, rồi việc xa rời quan hệ cộng đồng, anh em là thực tế. Như vậy, đối diện với áp lực thu nhập và mưu sinh để đảm bảo cuộc sống thì di cư, đi làm ăn xa không phải là giải pháp lựa chọn của mọi đối tượng trong cộng đồng ven biển được nghiên cứu.

3. Khảo sát trường hợp di cư, đi làm ăn xa tại hai cộng đồng

Từ cấp độ hộ và cá nhân, tìm hiểu đối tượng di cư, đi làm ăn xa, chúng tôi chia thành các loại lao động xuất cư: (1) Thời gian dưới 12 tháng; (2) Chuyển đến nơi khác sinh sống một năm trở lên; (3) Dịch chuyển lưu động hoặc theo mùa vụ (đi và về quê cũ theo Quý hoặc các Quý trong năm). Trên thực tế, di cư hay đi làm ăn xa ở cộng đồng có không ít trường hợp tại mẫu khảo sát cho thấy, không nhất thiết phải di chuyển hết cả hộ, mà chỉ lao động có liên quan đến tìm kiếm thu nhập của hộ, nên việc xem xét cả hai đối tượng: hộ và lao động (cá nhân thuộc thành viên của hộ) mới làm rõ được mức độ liên quan: có hay không tác động của BĐKH và mặn xâm nhập đến hoạt động sinh kế.

Cộng đồng người Khơ-me ấp Bảy, xã Tân Lộc huyện Thới Bình là một nghiên cứu trường hợp được chọn mẫu định tính liên quan đến vấn đề di cư, đi làm ăn xa. Ấp Bảy có 510 hộ, 1.025 khẩu; trong đó: người Hoa có 7 hộ (42 khẩu) và Khơ-me có 236 hộ (889 khẩu). Trong ấp, 100 hộ không có đất sản xuất và 89 hộ thuộc diện tái định cư. Diện tích đất canh tác của ấp là 161 ha lúa 2 vụ và 290 ha làm một vụ lúa và một vụ tôm, còn lại là đất vườn tạp thuộc sở hữu của dân tộc Kinh. Năm 2015, thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo người Khơ-me, tỉnh Cà Mau đã cấp kinh phí, đất ở và cơ sở hạ tầng cho 89 hộ dân tộc Khơ-me đặc biệt khó khăn (không có đất ở và đất sản xuất) từ các xã Hồ Thị Kỷ, Tân Phú, Tân Lộc Bắc, Biên

Bạch và các ấp khác thuộc xã Tân Lộc huyện Thới Bình tại khu tái định cư mới trong ấp Bảy. Cần lưu ý là, các hộ tái định cư ở ấp Bảy vừa là đối tượng hộ đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, vừa là những hộ bị ảnh hưởng nặng của thiên tai tại nơi ở cũ.

Khảo sát cho thấy, tỷ lệ các gia đình di cư dù không chịu bất cứ thiên tai nào cao hơn nhiều so với những gia đình chịu ít nhất một thiên tai. Điều đó cho thấy, các yếu tố nghèo đói, thiếu đất đai cũng là lực đẩy di cư, đi làm ăn xa đối với cộng đồng Khơ-me giai đoạn hậu tái định cư ở ấp Bảy. Tuy nhiên, sau khi giải quyết tái định cư cho các hộ thiếu đất ở, vấn đề còn lại là đất sản xuất và việc làm. Do quỹ đất của xã sau hạn mặn bị giảm, vốn ngân sách đầu tư cho hộ nghèo tái định cư không có để mua đất cho những hộ này, nên thiếu đất canh tác. Để tìm thêm việc làm cho họ, xã Tân Lộc liên hệ với Công ty Caminet, giải quyết việc làm cho 40 lao động (37 nữ, 3 nam). Hàng ngày, người lao động có xe ô tô đưa, đón đi làm trong ngày với mức thu nhập ổn định 3,5 - 4 triệu đồng/tháng; 38 hộ khác di chuyển cả hộ đi làm ăn xa từ tháng 1 đến tháng 12 tại Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh. Số còn lại 8 lao động làm thuê tại xã với công việc xây dựng.

Khác với cộng đồng Khơ-me ấp Bảy, cộng đồng Khơ-me ở ấp Bản Cũ, xã Quách Phẩm Bắc (Đầm Dơi) cư trú xen cài giữa Khơ-me (58 hộ, 274 người) với Kinh (328 hộ, 1.177 người). Địa hình ấp gắn với nhiều kênh rạch cửa thông ra biển, nên tuy cách xa bờ biển 45km, nhưng ấp Bản Cũ vẫn chịu tác động xâm nhập mặn của thủy triều biển Đông. Tình trạng chua phèn, thâm thấu mặn trong thời gian nắng hạn khá nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân do nguồn nước ngọt cạn kiệt.

Nguồn nước ngầm bị giảm thiểu, hạn hán và không có nguồn nước mưa bổ sung, nước phèn đùn lên, mặn xâm nhập qua các dòng kênh rạch vào ruộng đồng, lại thêm hệ thống thủy lợi nội đồng không thể phát huy tác dụng đang là áp lực lớn đối với các cộng đồng dân cư ở xã Quách Phẩm Bắc. Vào thời điểm nghiên cứu độ PH (tháng 4/2019), Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện đo được ở mức kiềm rất cao ≥ 7.5 đã làm tăng độ mặn của nguồn nước trong kênh rạch lên đến 30‰. Chỉ số mặn này theo các nhà chuyên môn và người dân không thể nuôi tôm hoặc cua. Khô hạn, mặn xâm nhập làm cho số hộ nghèo và cận nghèo của ấp Bản Cũ tăng lên 114 hộ (chiếm 29,53% vào năm 2018), trong đó số hộ không đất sản xuất toàn bộ là người Khơ-me, tăng hơn 2 lần (17 hộ năm 2018 lên 38 hộ năm 2019). Bị áp lực trước tình trạng thiếu đói, không đất sản xuất và kinh doanh tôm, cua thua lỗ, khiến cho lao động thiếu việc làm, không thu nhập. Vì vậy, để mưu sinh, sự lựa chọn ưu tiên là di cư, đi làm thuê ở nơi nào kiếm được nhiều tiền hơn. Ấp Bản Cũ có tới 160 người di cư, đi làm ăn xa tại Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh (tính đến tháng 4/2019), trong đó 65 hộ di chuyển toàn bộ gia đình.

Kết luận

Do sự đa dạng vùng và môi trường cảnh quan, nên tác động của BĐKH và nước biển dâng ở từng địa phương trong tỉnh Cà Mau là khác nhau. Các cộng đồng sinh sống bên bờ

biển Đông khác với biển Tây, ngoài đê biển và trong đê biển chịu tác động trực tiếp, gián tiếp của hiện tượng khô hạn, mặn xâm nhập ở các cấp độ khác biệt. Đi làm ăn xa, di cư đến các tỉnh miền Đông Nam Bộ và TP. Hồ Chí Minh để mưu sinh của những cộng đồng dân tộc ở ven biển tỉnh Cà Mau như là cách thức ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan, sạt lở bờ biển, xâm nhập mặn thời gian qua.

Những phát hiện qua phân tích các nguồn dữ liệu về mức độ di cư, đi làm ăn xa ở cấp độ hộ, cùng mô hình logistic Mij với 5 biến trên cho thấy có mối tương quan chặt chẽ. Đặc điểm di cư, đi làm ăn xa của các cộng đồng dân tộc ở Cà Mau có nét giống các cộng đồng cư dân khác ở các tỉnh vùng BĐCM và ĐBSCL về nguyên nhân (kinh tế, thoát nông), tính chất (tự phát, theo lao động hoặc hộ, cùng dân tộc, cùng ấp, cùng xã, thời gian chủ yếu dưới 12 tháng). Song, cũng có đặc thù là đa số người Khơ-me ở Cà Mau di cư thích chuyển đến những vùng lân cận, gần quê. Bởi họ đều phải rời thôn ấp để mưu sinh nhưng vẫn muốn có khoảng cách gần với quê cũ, nơi có ngôi chùa, lễ hội Khơ-me gắn với niềm tin linh thiêng từ nhỏ và người thân.

Xu hướng lựa chọn điểm đến gần quê cũ, nơi có người cùng quê, cùng dân tộc với mình là ưu tiên của người Khơ-me ở Cà Mau. Trong bối cảnh bão lũ, hạn hán, mặn xâm nhập gia tăng và cơ chế kinh tế thị trường ngày càng khắc nghiệt, để ứng phó với mưu sinh, những lao động đi làm ăn xa lại là hộ kinh tế nghèo, không đất đai, học vấn thấp, không tay nghề, luôn đối diện với rủi ro cao. Đến nơi mới, lao động dễ bị “cú sốc văn hóa” giữa lối sống nông thôn và thành thị. Về thu nhập, có thể họ kiếm được tiền nhiều hơn, nhưng ít gửi về quê mà chỉ đảm bảo cho chi tiêu, trang trải cuộc sống tại nơi ở mới, nếu có chỉ là trường hợp có con cái hoặc bố mẹ già ở quê cần phải chăm lo, phụng dưỡng.

Di cư, đi làm ăn xa là giải pháp của một số lao động và hộ khi đối diện với BĐKH và nước biển dâng ở Cà Mau cũng như vùng BĐCM, nên không là giải pháp cho tất cả cộng đồng ven biển dưới tác động trực tiếp, gián tiếp của tình trạng này. Vì vậy, giải pháp từ góc nhìn của chính sách là đối với các cộng đồng, địa phương liên quan đến BĐKH và nước biển dâng, không thể tách rời ra các đối tượng là dân tộc thiểu số mà bỏ qua dân tộc Kinh trong cùng môi trường bị ảnh hưởng.

Phát triển kinh tế theo hướng “thuận thiên” mà Nghị quyết 120 của Chính phủ đề ra, tỉnh Cà Mau đã chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ canh tác lúa truyền thống sang mô hình Lúa - Tôm hoặc chuyên canh tôm. Song, phân tích các biến của mẫu khảo sát ở cấp độ vi mô liên quan đến di cư và đi làm ăn xa tại hai huyện cho thấy, chuyển đổi này chỉ khả thi đối với các nhóm hộ có đất, có vốn hay doanh nghiệp thủy sản, còn nhóm hộ nghèo hay trung bình là chưa thực tế. Bởi vì, nhóm hộ này đều ít hoặc không có đất và vốn đầu tư, lao động chưa qua đào tạo. Do đó, bài toán việc làm và sinh kế trong phát triển bền vững, nhằm giảm thiểu tình trạng “bất ly hương” đối với các cộng đồng ở Cà Mau vẫn chưa có lời giải thỏa đáng, cần có cái nhìn thực tế hơn về thực trạng các nhóm xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau (2018), *Báo cáo tình hình di cư của đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Nam Bộ đến các khu đô thị, khu công nghiệp thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh*.
2. Chi cục Thống kê tỉnh Cà Mau (2011), *Niên giám thống kê 2010 tỉnh Cà Mau*.
3. Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (2014), *Tái định cư, tái định cư và biến đổi khí hậu tại Việt Nam. Giảm thiểu tác động và tính dễ bị tổn thương với khí hậu cực đoan và áp lực khí hậu thông qua di cư tự phát và di cư có hướng dẫn*, Hà Nội.
4. MoNRE (2012), *Kịch bản Biến đổi khí hậu và Mực nước biển dâng cho Việt Nam*, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hà Nội.
5. MPI (2009), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2009*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội.
6. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2010), “Thực trạng và giải pháp cho vấn đề di cư ở tỉnh Hậu Giang”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, tr. 283-292.
7. Sở Tài nguyên và Môi trường Cà Mau (2016), *Báo cáo tổng hợp tình hình biến đổi khí hậu và nước biển dâng tỉnh Cà Mau*, Cà Mau.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Cà Mau (2018), *Báo cáo qui hoạch thủy lợi tỉnh Cà Mau đến năm 2020*, Cà Mau.
9. Tổng cục Thống kê, Quỹ dân số Liên hợp quốc (2004), *Điều tra di cư Việt Nam năm 2004: Di cư trong nước và mối liên hệ với các sự kiện trong cuộc sống*, Hà Nội.
10. Tổ chức Di cư Quốc tế - IOM (2015), *Bản đồ khu vực về Di cư, Môi trường và Biến đổi khí hậu*. Truy cập tại <http://environmentalmigration.iom.int/maps>. IOM, Geneva.
11. Mai Viet Van, Huynh Van Hien, Dang Thi Phuong, Nguyen Thi Kim Quyen, Dao Thi Viet Nga and Le Anh Tuan (2016), Impact of irrigation works systems on livelihoods of fishing community in Ca Mau Peninsula, Viet Nam. *International Journal of Scientific and Research Publications, Volume 6, Issue 7, July 2016*. 460 ISSN 2250-3153.
12. Đoàn Việt (2009), “Đi làm ăn xa của người Chăm ở thôn Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 23-34.